

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH XÃ HỘI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118/QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Xã hội học
 - + Tiếng Anh: Sociology
- Mã số ngành đào tạo: 52310301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Xã hội học
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Sociology
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xã hội học có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kỹ năng phân tích sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người, có năng lực tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước.

Đồng thời, cử nhân Xã hội học được đào tạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội để thực hành nghề trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối A (Toán, Lí, Hoá), C (Văn, Sử, Địa), D (Văn, Toán, Ngoại ngữ).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Hiểu biết và kiến thức cơ sở chung

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản để giao tiếp tốt bằng một trong bốn ngoại ngữ quan trọng được ĐHQGHN thừa nhận và tổ chức giảng dạy (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).

- Nhận thức tốt về tầm quan trọng của các kiến thức quân sự, thể dục cũng như có các năng lực cơ bản theo yêu cầu huấn luyện của các lính vực này.

1.2. Hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội

- Có kiến thức rộng về văn hoá đại cương, về lịch sử của các nền văn minh trên thế giới.

- Nắm vững các kiến thức về Nhà nước và pháp luật đại cương; Có hiểu biết cơ bản về tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay, về sự phân chia các ngành luật và một số vấn đề quan trọng nhất của Pháp luật.

- Nắm vững kiến thức về logic học, về các vấn đề môi trường hiện nay gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

- Nắm vững các phương pháp thống kê cơ bản, ứng dụng vào việc thu thập và xử lí các thông tin khoa học xã hội.

- Có kiến thức nhập môn về kinh tế học.

1.3. Nắm vững kiến thức cơ bản của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Bước đầu nắm được kiến thức cơ bản liên ngành của các ngành gần như Nhân học đại cương, Dân số học, Tâm lí học xã hội đại cương, Công tác xã hội, Lịch sử văn hoá Việt Nam.

- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc khối ngành, ứng dụng vào việc thu thập và xử lí các thông tin thu thập được (định lượng và định tính) bằng các phần mềm máy tính thịnh hành nhất.

1.4. Khối kiến thức chung của nhóm ngành

- Nắm vững các kiến thức và phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc nhóm ngành (Xã hội học, Công tác xã hội, Nhân học, Tâm lí học).

- Có kiến thức cơ bản về khoa học phân tích hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

- Nắm vững các kiến thức về truyền thông và dư luận xã hội.

- Có kiến thức cơ bản về tâm lí học phát triển và tôn giáo đại cương.

1.5. Kiến thức và hiểu biết cơ bản về ngành

- Nắm vững kiến thức về Xã hội học đại cương như lược sử hình thành, các tác giả cổ điển quan trọng nhất (A. Comte, É. Durkheim, M. Weber...), cách phân chia các chuyên ngành cơ bản trong Xã hội học, những phương pháp cơ bản nhất, một số khái niệm và thuật ngữ quan trọng nhất.

- Nắm vững lịch sử hình thành và cốt lõi của các chủ thuyết trong Xã hội học hiện đại: chủ thuyết cấu trúc – chức năng, chủ thuyết về hành động xã hội, chủ thuyết về tương tác xã hội, chủ thuyết về tương tác biểu trưng, chủ thuyết về xung đột, chủ thuyết về mạng lưới xã hội...

- Hiểu được cách phân chia cơ bản các phạm trù ứng dụng của kiến thức Xã hội học (Kinh tế, Quản lí tổ chức, Giới và Gia đình, Văn hoá, Giáo dục, Phát triển nông thôn, Phát triển đô thị...).

- Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu Xã hội học cơ bản cũng như Xã hội học ứng dụng (can thiệp).

- Có kiến thức nền tảng về các chuyên ngành quan trọng nhất phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học về giới, Xã hội học quản lí, Xã hội học gia đình, Xã hội học giáo dục, Xã hội học văn hoá, Xã hội học dân số, Xã hội học môi trường, Xã hội học về cộng đồng, Xã hội học kinh tế, Xã hội học lao động, Phát triển cộng đồng...

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Kĩ năng năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Xã hội học

- Có khả năng tư duy, nhận thức về một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô (cấp độ hành vi con người, nhóm người trên một địa bàn nhỏ và trong mối quan hệ ở một thiết chế vừa) và cấp độ vĩ mô (phát hiện và khái quát một vấn đề xã hội).

- Biết đánh giá và phân tích một vấn đề xã hội trên bình diện xã hội học cơ bản.

- Có năng lực phát hiện bản chất của một vấn đề xã hội.

- Biết vận dụng hệ thống lí luận xã hội học để giải thích một vấn đề xã hội để từ đó đề xuất những khuyến nghị và giải pháp thích hợp.

- Biết phát hiện và đề xuất những biện pháp, khuyến nghị để giải quyết một vấn đề xã hội.

- Biết đánh giá xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội, một vấn đề xã hội.

- Biết vận dụng kiến thức xã hội học để can thiệp, tư vấn, phản biện và tham gia xây dựng một chính sách xã hội.

2.1.2. *Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Biết phát hiện một vấn đề xã hội và biết thiết kế một đề cương nghiên cứu Xã hội học cơ bản cũng như Xã hội học ứng dụng trong phạm vi trường hợp và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.

- Biết viết lịch sử về vấn đề nghiên cứu ở tầm vi mô, xác định mục tiêu, lựa chọn khách thể, đặt câu hỏi nghiên cứu, biết trình bày các loại giả thuyết và xây dựng khung lý thuyết (khung phân tích).

- Vận dụng tốt các phương pháp định tính và định lượng cơ bản để thu thập và xử lý thông tin: xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu thực nghiệm, phân tích tài liệu (sơ cấp, thứ cấp), phương pháp chọn mẫu, trung cầu ý kiến, phỏng vấn với bảng hỏi cấu trúc, bảng hỏi bán cấu trúc, điều tra thử, phỏng vấn sâu, quan sát (tham dự hoặc không tham dự).

- Biết phân tích, thao tác hoá các thuật ngữ, khái niệm, ứng dụng lý thuyết, và biết sử dụng các phát hiện từ nghiên cứu trường hợp để viết báo cáo khoa học (báo cáo thực tập, niên luận và khoá luận).

- Biết tìm các nguồn tư liệu có chất lượng phục vụ nghiên cứu: tác giả, tác phẩm, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và địa chỉ của tư liệu cần thiết cho nghiên cứu.

- Biết thiết kế 2 loại đề cương nghiên cứu chính trong xã hội học: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

- Biết trình bày kết quả nghiên cứu một cách đa dạng (bảng, biểu, phỏng vấn sâu, hình ảnh...) và biết sử dụng các công nghệ thông tin hỗ trợ trong trình bày kết quả nghiên cứu.

2.1.3. *Khả năng tư duy theo hệ thống*

- Có năng lực tư duy tổng hợp và biết phân tích một số vấn đề xã hội, sự kiện xã hội nổi bật từ nhiều góc độ khác nhau theo hai phương pháp tiếp cận lịch đại và đồng đại.

- Nắm vững logic trình tự của một nghiên cứu xã hội học cấp độ vi mô.

- Nắm vững các phương pháp phân tích cơ bản theo các chủ thuyết cơ bản của xã hội học: tiếp cận phân tích một hiện tượng xã hội theo ba nhóm biến số (độc lập, can thiệp và phụ thuộc), tiếp cận phân tích tính đại diện theo phương pháp điều tra

chọn mẫu định lượng hay tiếp cận phối hợp định tính – định lượng để phân tích một cách có hệ thống một hiện tượng hay một sự kiện xã hội.

2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng xã hội học để đề xuất các biện pháp góp phần giải quyết một số mâu thuẫn xã hội, những vấn đề quản lý con người, quản lý xã hội trong tổ chức nói riêng và trong tổng thể xã hội nói chung.

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng xã hội học trong việc tư vấn và phản biện các chính sách xã hội.

- Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn luôn biến đổi.

- Những cử nhân xã hội học tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên có năng lực tạo dựng một số hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của môi trường làm việc: Có năng lực tự tạo việc làm cho bản thân bằng cách thành lập một tổ chức nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận hoặc một tổ chức xã hội (doanh nghiệp xã hội).

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo ê-kíp.
- Biết truyền thông trong nhóm, giữa nhóm thuộc tính và tổ chức.
- Biết xử lý một xung đột nhóm.

2.2.2. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Bước đầu biết xây dựng chiến lược cho một tổ chức nhỏ (10 – 25 người).
- Biết điều phối quyền lợi, phân công trách nhiệm và tổ chức công việc cho một tổ chức nhỏ.
- Biết nêu và giải quyết vấn đề của một tổ chức nhỏ.
- Biết tổ chức và điều hành một cuộc họp của nhóm nhỏ.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Biết lắng nghe.
- Biết diễn thuyết trước một đám đông.
- Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản.
- Biết viết báo cáo tổng hợp cho một tổ chức nhỏ.

- Thành thạo các hình thức giao tiếp (lời nói, văn bản, mạng internet...) với các đối tượng xã hội khác nhau.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng một trong 4 ngoại ngữ theo chương trình chuẩn của ĐHQGHN.

- Nghe và hiểu được các bản tin thông thường trên các phương tiện thông tin đại chúng của nước mà mình học tiếng của họ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).

- Nói được bằng ngoại ngữ về những chủ đề thường thức.

- Đọc và tóm tắt được một số tài liệu thường thức về một chủ đề của cuộc sống.

- Viết được một bài luận (20 – 30 trang), một bản báo cáo hoặc tóm tắt một chuyên công tác, một cuộc họp.

2.2.5. Các kỹ năng mềm khác

- Theo quy định về đào tạo kỹ năng mềm của ĐHQGHN.

- Biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản: word, excel, spss.

- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác.

- Biết nhiều cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Trách nhiệm, đoàn kết, trung thành, tận tụy, có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác trong công việc, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng mọi người, phê bình và tự phê bình đúng lúc, đúng chỗ, không bè phái, không xu nịnh...

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu xã hội học nói riêng.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác tư vấn, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước.
- Làm công tác tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau.
- Làm công tác nghiên cứu ở các trường, trung tâm, viện nghiên cứu.
- Làm công tác giảng dạy trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Làm phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông.
- Làm nhân viên Xã hội học trong các tổ chức xã hội.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 tín chỉ, trong đó

- | | |
|--|----------------------|
| - Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: | 27 tín chỉ |
| <i>(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kỹ năng mềm)</i> | |
| - Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: | 23 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc</i> | <i>17 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn</i> | <i>6/8 tín chỉ</i> |
| - Khối kiến thức chung của khối ngành | 17 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc</i> | <i>12 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn</i> | <i>5/15 tín chỉ</i> |
| - Khối kiến thức chung của nhóm ngành | 13 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc</i> | <i>9 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn</i> | <i>4/6 tín chỉ</i> |
| - Khối kiến thức ngành và bổ trợ | 42 tín chỉ |
| + <i>Bắt buộc</i> | <i>32 tín chỉ</i> |
| + <i>Tự chọn</i> | <i>10/25 tín chỉ</i> |
| - Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp | 13 tín chỉ |

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	16	40	4	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	23				
II.1		Bắt buộc	17				
12	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
14	PSY1050	Tâm lí học đại cương	2	30			
15	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
16	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
18	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.2		Tự chọn	6/8				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	17				
III.1		Bắt buộc	12				
23	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	39	6		
24	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
25	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
26	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	30	15		
III.2		Tự chọn	5/15				
27	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	39	6		
28	SOW2003	Gia đình học	2	26	4		
29	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí dữ liệu	2	22	8		
30	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
31	SOW1101	Dân số học đại cương	3	39	6		
32	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp	2	30			
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	13				
IV.1		Bắt buộc	9				
33	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	39	6		SOW1100
34	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	39	6		SOC1050
35	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	30	15		PSY1050
IV.2		Tự chọn	4/6				
36	SOC3024	Chính sách xã hội	2	26	4		SOC1050
37	SOC3020	Xã hội học tôn giáo	2	26	4		SOC1050
38	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe	2	30			PSY1050
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	42				
V.1		Bắt buộc	32				
39	SOC3039	Lịch sử và Lí thuyết xã hội học	5	75			SOC1050
40	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	50	10		SOC1050

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
41	SOC3041	Xã hội học giới	2	28	2		SOC1050
42	SOC3007	Xã hội học gia đình	2	28	2		SOC1050
43	SOC3042	Xã hội học nông thôn	3	39	6		SOC1050
44	SOC3002	Xã hội học đô thị	2	28	2		SOC1050
45	SOC3009	Xã hội học quản lí	3	39	6		SOC1050
46	SOC3011	Xã hội học dân số	3	39	6		SOC1050
47	SOC3015	Xã hội học môi trường	2	28	2		SOC1050
48	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	28	2		SOC1050
49	SOC3012	Xã hội học giáo dục	2	28	2		SOC1050
50	SOC3043	Xã hội học du lịch	2	28	2		SOC1050
V.2		Tự chọn	10/25				
51	SOC3013	Xã hội học sức khỏe	2	28	2		SOC1050
52	SOC3048	Xã hội học pháp luật	2	28	2		SOC1050
53	SOC3049	Xã hội học tội phạm	2	28	2		SOC1050
54	SOC3003	Xã hội học kinh tế	2	28	2		SOC1050
55	SOC3044	Xã hội học tổ chức và Quản lí nguồn nhân lực	3	39	6		SOC1050
56	SOC3045	Xã hội học lao động - nghề nghiệp	2	28	2		SOC1050
57	SOC3004	Xã hội học chính trị	2	28	2		SOC1050
58	SOC3014	Xã hội học cộng đồng	2	28	2		SOC1050
59	SOC3050	Nhập môn về mạng lưới xã hội	2	28	2		SOC1050
60	SOC3034	Xã hội học thanh niên	2	28	2		SOC1050
61	SOC3046	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển	2	28	2		SOC1050
62	SOC3017	Xã hội học khoa học và công nghệ	2	28	2		SOC1050
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	13				
63	SOC4055	Thực tập phương pháp	5		45	30	SOC3040
64	SOC4052	Thực tập tốt nghiệp	3		30	15	SOC4055
65	SOC4053	Khóa luận tốt nghiệp	5		45	30	
		<i>Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	5				
66	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu xã hội học	3		39	6	SOC3040
67	SOC4057	Các lí thuyết xã hội học kinh điển	2		28	2	SOC1050
		Tổng cộng	135				

